

Lý Thái Tông - vị vua có tài thao lược, bao dung và giấc mơ gặp Phật

ISSN: 2734-9195

14:10 27/09/2025

Lý Thái Tông là vị vua có lòng bao dung, nhân hậu đối với anh em, họ hàng, quan, quân, tướng lĩnh, dân chúng.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

Vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) tên thật là Lý Phật Mã và có tên khác là Lý Đức Chính, con trưởng của vua Thái Tổ Lý Công Uẩn, lên ngôi năm 28 tuổi (ông sinh năm 1000, lên ngôi năm 1028). Người thời bấy giờ thường hay truyền tụng những sự lạ lùng về con người này và về những chuyện lạ xảy ra trong tuổi thiếu thời của ông.

Họ nói rằng sau gáy ông có đến 7 cái nốt ruồi tụ lại như chòm sao thất tinh (sao Bắc Đẩu). Như thế là ông có tướng lạ. Lúc bé, chơi đùa với bọn trẻ trong cung, ông thường bắt chúng dàn hàng tả hữu trước sau để làm quân hầu hộ vệ cho mình. Ông cho một vị đạo sĩ cái áo. Đạo sĩ treo cái áo trong quán, nửa đêm thấy rồng vàng hiện ra. Người ta tin rằng đó là điềm báo hiệu ông rất xứng đáng nối ngôi thiên tử.

Vua Lý Thái Tổ thấy Phật Mã là người thông minh, hoạt bát nên sớm có ý sẽ truyền lại ngôi báu, đã phong Phật Mã làm Đông cung Thái tử Khai Thiên Vương. Vua cho lập phủ ở ngoài nội cung để Phật Mã được làm quen với bách quan văn võ và dân chúng. Lúc ấy, Phật Mã mới 12 tuổi (1012).

Năm 20 tuổi, Phật Mã được giao làm Nguyên soái, cầm quân vào Nam đánh Chiêm Thành. Ông đã tiến quân đến núi Long Ty (nay thuộc huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình).

Năm 24 tuổi, ông lại cầm quân đi đánh Phong Châu; hai năm sau đi đánh Diễn Châu. Năm 1027, ông lại lên phía Bắc, đánh châu Thất Nguyên (nay là huyện Trùng Khánh, tỉnh Lạng Sơn). Thái tử Lý Phật Mã được rèn luyện qua nhiều cuộc chinh chiến nên sớm bộc lộ tài năng thao lược của mình: đánh đâu thắng đó.

Năm Mậu Thìn (1028), vua Lý Thái Tổ mất. Theo đúng di chiếu thì Đông cung Thái tử Phật Mã lên ngôi Hoàng đế nắm quyền cai trị đất nước. Nhưng Thái tử rất đông anh em và người nào cũng có tài vũ dũng. Khi còn sống, Lý Thái Tổ không chỉ giao cho Phật Mã cầm quân chinh chiến ở chiến trường, mà các em của Lý Phật Mã cũng được cho đi tập dượt lập các chiến công.

Vì vậy, vua Thái Tổ vừa mất, chưa làm lễ tế táng, các hoàng tử Võ Đức Vương, Dực Thánh Vương và Đông Chinh Vương đã mang quân bản bộ đến vây thành để tranh ngôi của Thái tử. Đông Chinh Vương phục ở trong Long Thành, Dực Thánh Vương và Võ Đức Vương phục ở ngoài cửa Quảng Phúc. Họ quyết chờ khi Thái tử Lý Phật Mã xuất hiện thì cùng xông ra đánh úp, nếu thắng lợi thì tính đến việc chia quyền lợi cho nhau.

Biết được âm mưu ấy, Phật Mã vội vàng tổ chức việc phòng giữ cung cấm, rồi cho gọi các tướng tá tâm phúc của mình vào bàn cách đối phó. Ông không muốn giữa lúc vua cha băng hà, anh em một nhà lại quay ra xung đột, tranh giành quyền lực với nhau. Ông nói: *"Ta đối với anh em không phụ bạc chút nào. Nay ba vương làm việc bất nghĩa như thế, quên đi di mệnh của tiên đế, muốn mưu chiếm ngôi báu, các người nghĩ thế nào?"* (1).

Có vị đại thần nói: *"Anh em với nhau, bên trong có thể cùng nhau bàn bạc, bên ngoài có thể cùng nhau chống giặc. Nay ba vương làm phản thì là anh em hay cừ địch? Xin cho bọn thần đánh một trận để quyết được thua". Thái tử nói: "Ta lấy làm xấu hổ là Tiên đế mới mất chưa quàn, mà anh em đã giết lẫn nhau, há chẳng để cho muôn đời chê cười sao?"* (2).

Sau đó, ông cho người ra khuyên các em nên hạ khí giới, cùng vào chịu tang cha, thực hiện di chiếu, không nên gây bạo loạn. Nhưng ba vị vương tử kia nhất định không nghe. Họ vẫn tiếp tục bao vây cung điện, xua quân tràn vào Kinh thành. Lý Phật Mã vừa lo ma chay cho Tiên hoàng, vừa buồn vì tình anh em, không biết nên giải quyết thế nào. Những tướng tá tâm phúc của ông đều ào lên, nhất định muốn ông phải đích thân ra tay trừng trị bọn phản nghịch.

Lý Phật Mã kiên trì: *"Ta muốn thuyết phục các vương cho họ tự ý rút quân thì họ sẽ không gây ra tội ác, chứ kéo quân ra giao chiến với nhau thì còn mất mũi nào!".* Thấy Lý Phật Mã cứ dè dặt chưa quyết mà quân tướng của ba hoàng tử kia thì đánh vào cung cấm rất gấp, các tướng Lê Nhân Nghĩa, Quách Thịnh, Dương Bình... cùng đứng lên, kiên quyết giục ông ra quân. Trước tình thế này, Lý Phật Mã không biết làm thế nào. Ông nói: *"Thế đã đến như thế thì ta còn mất mũi nào trông thấy ba vương nữa, ta chỉ biết làm lễ thành phục đến hầu tiên đế, ngoài ra đều ủy cho các khanh cả".* Quân tướng lạy tạ, *"vệ sĩ trong cung mở cửa xông ra đánh, ai cũng vui lòng xông pha, đều là một người địch trăm"*

người" (3).

Một võ tướng đã rút gươm chạy như bay ra ngoài cung, xông thẳng đến cửa Quảng Phúc, hô lên rằng: "*Bọn Vũ Đức Vương ngấp nghé ngôi báu, không coi vua nổi vào đâu, trên quên ơn của tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con, vì thế thần là Phụng Hiếu đem thanh gươm này để dâng*". Rồi Phụng Hiếu xông thẳng đến ngựa của Vũ Đức Vương. Vương quay ngựa đánh, ngựa quỵ xuống, bị Phụng Hiếu bắt giết. Phủ binh của ba vương thua chạy, quan quân đuổi theo chém không còn sót ai, chỉ có hai vương Đông Chinh và Dục Thánh là chạy thoát được" (4).

Văn tướng ấy chính là Lê Phụng Hiếu, người hương Bằng Sơn, thuộc châu Ái (nay là huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Sau đó, "*Phụng Hiếu trở về, mặc nhung phục tâu thẳng trận trước linh cữu Thái tổ, rồi đến điện Càn Nguyên báo cho Thái tử biết*" (5).

Lý Phật Mã rất cảm ơn các tướng. Khi ông lên ngôi đã thưởng cho tất cả mọi người.

Phật Mã chính thức lên ngôi khi ông vừa tròn 28 tuổi, lấy niên hiệu là Thiên Thành. Thấy tình hình mưu phản vừa qua của các em mình, Lý Phật Mã nghĩ ngay đến việc phải có một hình thức thích hợp, một biện pháp tâm linh để ràng buộc mọi người, cố kết nhân tâm. Việc làm đầu tiên của ông khi vừa lên ngôi báu là cho dựng miếu thờ Thần Đồng Cổ (vị thần Trống Đồng ở núi Đan Nê, Thanh Hóa). Miếu đặt ở bên hữu thành Đại La, sau chùa Thánh Thọ (nay nằm trên phố Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội). Vua cho đắp đàn ở trong miếu, cấm cờ xí, chỉnh đốn đội ngũ, treo gươm giáo ở trước thần vị, đọc lời thề rằng: "*Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu, bất trung xin thần làm tội*". Các quan từ Cửa Đông đi vào, đến trước thần vị cùng uống máu ăn thề. Từ đó, thành lệ, hàng năm vào dịp đầu Xuân, vua quan các triều đại đều dự lễ thề này.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Ảnh sưu tầm.

Khi đã là hoàng đế, Lý Thái Tông vẫn tiếp tục phát huy sở trường chiến đấu của mình. Suốt 27 năm ở ngôi, ông sẵn sàng thân chinh ra nhiều mặt trận. Năm 33 tuổi, ông đi đánh châu Định Nguyên, năm 35 tuổi đánh châu Ái, năm 39 tuổi đánh Nùng Tồn Phúc, năm 42 tuổi đánh Nùng Trí Cao, năm 44 tuổi vào tận phía Nam đánh Chiêm Thành. Mỗi lần đánh trận là mỗi lần ông ghi thêm những chiến công chói lọi.

Theo sử sách, vào thời kỳ nhà Lý đạo Phật đang thịnh hành ở nước ta nên nhiều vị vua đã thiên về lòng từ bi mà có những việc làm nhân nghĩa khiến cho người đời sau phải khâm phục.

Lý Thái Tông là vị vua có lòng bao dung, nhân hậu đối với anh em, họ hàng, quan, quân, tướng lĩnh, dân chúng. Ta thấy điều ấy qua cách ông đối xử với mấy anh em nghịch phản. Trừ Võ Đức Vương bị Lê Phụng Hiểu chém chết, còn mấy người khác trốn đi, sau phải quay về, đều được Lý Thái Tông tha thứ, lại còn ban cho chức tước như cũ. Một người em nữa là Khai Quốc Vương, cố tình giữ lấy đất Trường Yên để chống lại. Lý Thái Tông thân hành cầm quân đi đánh, bắt được Khai Quốc Vương, không cho ở Trường Yên nữa, mà đưa về Thăng Long, sau cũng rộng tình tha thứ.

Ở phía Bắc, một thủ lĩnh thiểu số là Nùng Tồn Phúc nổi lên làm phản, Lý Thái Tông đem quân đi đánh. Cả Tồn Phúc và Trí Thông đều bị giết, vua lại tha cho hai mẹ con Nùng Trí Cao, cho coi sóc châu Quảng Nguyên và cho thêm quyền phụ trách mấy động Lôi Hỏa, Tư Lang nữa. Sau đó, Nùng Trí Cao vẫn muốn

dựng cờ độc lập, chống lại nhà Tống bên kia, và chống cả với Đại Việt. Nhưng đến khi Nùng Trí Cao thất thế, xin quân cứu viện, Lý Thái Tông vẫn mở lượng khoan hồng cho Chỉ huy sứ Vũ Nhị đến giúp. Quả là một vị vua có tấm lòng bao dung, độ lượng. Khi đem quân đi đánh Chiêm Thành, ông cũng thu được thắng lợi, chém được cả vua Chiêm là Jaya Shihavarman nhưng ông đã ra lệnh cho tướng sĩ và quân lính không được tàn sát dân chúng. Lời truyền của ông được ghi rõ ràng trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư*: "*Kể nào giết bậy người Chiêm Thành thì sẽ giết chết không tha*" (6).

Có tấm lòng bao dung, nhưng ông cũng luôn chú ý đến luật pháp để giữ vững kỷ cương nề nếp của Đại Việt. Có lẽ đây cũng là cái mới của Lý Thái Tông trong lịch sử nước ta. Ta biết rằng, các đời từ Ngô, Đinh đến Lê, pháp luật ít được minh định. Mãi sau khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi mới chú ý việc này và phải đến thời Lê Thánh Tông mới có Bộ luật Hồng Đức.

Vậy mà vào thế kỷ XI, Lý Thái Tông đã chú ý đến luật pháp và cho hình thành văn bản lập pháp: Sử ghi rõ việc ban *Hình thư*: "*Trước kia trong nước việc kiện tụng phiền nhiễu, quan giữ việc hình câu nệ luật văn, cốt làm khắc nghiệt, thậm chí bị oan uổng. Vua lấy làm thương xót, sai Trung thư sửa định luật lệnh, châm chước cho thích dụng với thời bấy giờ, chia ra môn loại, biến ra điều khoản, làm sách *Hình luật* của một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong, xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện. Đến đây, phép xử hình thần nhiên rõ ràng, cho nên có lệnh đổi niên hiệu làm *Minh Đạo*, và đúc tiền *Minh Đạo*" (7). Bộ luật "*Hình thư*" được vua Lý Thái Tông ban hành năm Nhâm Ngọ (1042) chính là bộ luật thành văn đầu tiên ở nước ta.*



Hình ảnh phục dựng kiến trúc chùa Một Cột (chùa diên Hựu) thời Lý.
Ảnh sưu tầm.

Về phép dùng người của Lý Thái Tông cũng thực sự là sáng suốt. Những viên quan được ông trọng dụng, không ai lơ là trách nhiệm và đều giúp ông thành công trong mọi chủ trương chính sách cai trị đất nước.

Cũng trong việc dùng người, phải kể đến việc nhà vua giao trách nhiệm cho người em của ông là Lý Nhật Quang. Lý Nhật Quang là con thứ 8 của Lý Thái Tổ; được phong tước Uy Minh hầu. Lúc đi đánh Chiêm Thành trở về, Lý Thái Tông giao cho Lý Nhật Quang vào làm Tri châu ở Nghệ An. Và ông đã hoàn thành nhiệm vụ vua giao một cách xuất sắc. Nhật Quang đã giữ vững được vùng biên ải, vỗ về dân chúng, cả người Việt lẫn người Chiêm, khiến cho đất châu Hoan trở nên bình yên, thịnh vượng. Dân chúng Nghệ An, Hà Tĩnh đời đời nhớ ơn. Nhiều nơi tôn ông làm Thành hoàng.

Sử sách còn cho biết thêm rằng, vua Lý Thái Tông, dù ở ngôi cao, vẫn luôn lưu tâm tới công việc và đời sống của người dân. Vào năm Mậu Dần (1038), mùa Xuân, tháng 2, ông ngự giá ra cửa Bồ Hải cày ruộng tịch điền. Vua thân chinh tế Thần Nông, tế xong tự cầm cày xuống ruộng. Các quan tả hữu có người can rằng: *"Đó là công việc của nông phu, bệ hạ cần gì làm thế?"*. Vua nói: *"Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì để xướng suốt thiên hạ?"* (8).

Như trên đã nói, vào thời nhà Lý, đạo Phật rất được coi trọng ở nước ta. Nối tiếp sự nghiệp của vua cha là Lý Thái Tổ về tôn sùng đạo Phật, vào tháng 11 năm Mậu Thìn (1028), khi vừa lên nối ngôi được vài tháng, vua Lý Thái Tông đã cho *"đặt ra giai phẩm của tăng đạo"*(9). Tháng 3 năm Tân Mùi (1031), vua Lý Thái Tông đã *"Xuống chiếu phát tiền thuê thợ làm chùa quán ở các làng ấp, phàm 950 chỗ"* (10).

Năm Quý Dậu (1033), Thái Tông lại tiếp tục *"xuống chiếu đúc quả chuông nặng một vạn cân để ở lầu chuông của Long Trì"* (11).

Năm Giáp Tuất (1034), *"Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến chùa Trùng Quang, núi Tiên Du sai dựng kho Trùng Hưng để chứa kinh"* (12)

Năm Ất Hợi (1035), nhà vua *"xuống chiếu phát 6.000 cân đồng để đúc chuông đặt ở chùa Trùng Quang (trên núi Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh). Đúc xong sai người kéo đưa đến chùa..."* (13).

Năm Bính Tý (1036), *"Mùa xuân, tháng giêng, mở hội khánh thành pho tượng Phật Đại Nguyên ở Long Trì. Tháng 2, xuống chiếu viết kinh Đại tạng cất ở kho Trùng Hưng"* (14).

Năm Mậu Dần (1038), mùa đông tháng 10, nhà vua "*cho dựng bia chùa Trùng Quang*" (15).

Mùa đông, tháng 10, năm Tân Tỵ (1041), "*vua ngự đến núi Tiên Du xem làm Viện Từ Thị Thiên Phúc. Khi về xuống chiếu phát 7.560 cân đồng trong kho để đúc tượng Phật Di Lặc và hai vị Bồ tát Hải Thanh và Công Đức cùng chuông đặt ở viện*" (16).

Đặc biệt năm Kỷ Sửu (1049), mùa đông, tháng 10, vua Lý Thái Tông đã cho "*dựng chùa Diên Hựu*"(17) (chùa Một Cột - ngôi chùa nổi tiếng ở kinh thành Thăng Long xưa và Hà Nội ngày nay). Việc xây dựng chùa bắt đầu từ một giấc mơ lạ: giấc mơ gặp Phật của vua Lý Thái Tông.

Chuyện kể rằng trước đó, một đêm vào khoảng tháng Giêng, vua Lý Thái Tông nằm chiêm bao thấy mùi hương sực nức. Kế đến Phật Bà Quan Âm ngồi trên tòa sen hiện ra dắt nhà vua đi xem một tòa sen chói lọi hào quang. Giật mình thức dậy, nhà vua liền đem điềm báo thuật lại với triều thần, có người cho là điềm không lành. "*Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa ao làm tòa sen của Phật Quan Âm ở trên cột giống như đã trông thấy trong mộng*" (18). Chùa xây xong, đài sen nghìn cánh đỡ tòa Phật sắc hồng, trong đặt tượng Phật vàng lấp lánh. Các nhà sư đến làm lễ, đi vòng quanh chùa niệm Phật cầu chúc cho nhà vua sống lâu, vì thế đặt tên là chùa Diên Hựu.

Từ ngày có chùa Diên Hựu về sau, bá tính thập phương thấy chùa dựng trên một cái cột nên truyền nhau gọi là chùa Một Cột, lâu ngày thành quen. Chùa nằm trên đất thôn Thanh Bảo, huyện Quảng Đức, phía tây Hoàng thành Thăng Long, nay thuộc phố Chùa Một Cột, quận Ba Đình, Hà Nội.

Vua Lý Thái Tông trị vì được 27 năm, đến năm Giáp Ngọ (1054) thì băng hà, thọ 55 tuổi.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

Chú thích:

(1) *Đại Việt sử toàn thư*, Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1972, trang 199.

(2), (3) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 200.

(4), (5) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 201.

(6) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 223).

(7) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 219.

- (8) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 214.
- (9) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 205.
- (10), (11) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 209.
- (12) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 211.
- (13), (14) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 212.
- (15) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 214.
- (16) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 218.
- (17) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 225.
- (18) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sách đã dẫn, trang 226.